

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Trịnh Thị N**, sinh năm 1982; địa chỉ: **thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị**;

- Bị đơn: anh **Phan Đình L**, sinh năm 1978; địa chỉ: **thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị **Trịnh Thị N** và anh **Phan Đình L** tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm: quyền sử dụng đất diện tích 825m<sup>2</sup> (diện tích đo thực tế là: 824,7m<sup>2</sup>) thửa số 24, tờ bản đồ số 53, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 690016 do **UBND huyện C** cấp ngày 12/6/2017 mang tên ông **Phan Đình L** và bà **Trịnh Thị N**, tại **thôn C (nay là thôn A) xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị** và 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 144,1 m<sup>2</sup> trên diện tích đất nói trên và đề nghị Tòa án ghi nhận:

+ Anh **Phan Đình L** được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 diện tích 144,1m<sup>2</sup> và quyền sử dụng đất diện tích 403,8m<sup>2</sup> trong phần quyền sử dụng đất diện tích 825m<sup>2</sup> (diện tích đo thực tế là: 824,7m<sup>2</sup>) thửa số 24, tờ bản đồ số 53, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 690016 do **UBND huyện C** cấp ngày 12/6/2017 mang tên

ông **Phan Đình L** và bà **Trịnh Thị N**, với ranh giới: phía Nam giáp đường khu vực dài 10m; phía Đông giáp đất của ông **Lê Thanh H** dài 39,53m; phía Bắc giáp đất của ông **Nguyễn Văn Q** dài 10,50m; phía Tây giáp đất của chị **Trịnh Thị N** dài: 39,51 m.

+ Giao chị **Trịnh Thị N** được hưởng quyền sử dụng đất có diện tích 420,9m<sup>2</sup>, trong phần quyền sử dụng đất diện tích 825m<sup>2</sup> (diện tích đo thực tế là: 824,7m<sup>2</sup>) thửa số 24, tờ bản đồ số 53, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 690016 do **UBND huyện C** cấp ngày 12/6/2017 mang tên ông **Phan Đình L** và bà **Trịnh Thị N**, với ranh giới: Phía Nam giáp đường khu vực dài 10,43m; phía Đông giáp đất của anh **Phan Đình L** dài 39,51m; phía Bắc giáp đất của gia đình ông **Nguyễn Văn Q** dài 3,97m và gia đình bà **Bùi Thị C** dài 7,00m; phía Tây giáp đất của ông **Nguyễn Đức HI** dài 39,51m.

+ Chị **Trịnh Thị N** không yêu cầu anh **Phan Đình L** bù chênh lệch chia tài sản.

- Về án phí: theo điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị **Trịnh Thị N** và anh **Phan Đình L** tự thoả thuận phân chia tài sản trước khi Toà án tiến hành hoà giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị **Trịnh Thị N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/2023/0000077 ngày 22/4/2024 của **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ**, tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Quý**